

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
Công trình: Thăm nhựa các tuyến đường khu tái định cư
Công Chánh, thị trấn Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 7705/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Thăm nhựa các tuyến đường khu tái định cư Công Chánh, thị trấn Tuy Phước;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thị trấn Tuy Phước tại Tờ trình số 178B/TTr-UBND ngày 14/12/2022 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 923/TTr-TCKH ngày 20/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

+ Tên công trình: **Thăm nhựa các tuyến đường khu tái định cư Công Chánh, thị trấn Tuy Phước.**

+ Chủ đầu tư: UBND thị trấn Tuy Phước.

+ Địa điểm xây dựng: thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước.

+ Nguồn vốn: Ngân sách huyện hỗ trợ 100% giá trị xây lắp, phần còn lại ngân sách thị trấn Tuy Phước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

+ Thời gian khởi công - hoàn thành: 12/2020-03/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được duyệt
Tổng số		1.895.154.000	1.758.380.000
01	Chi phí xây lắp	1.588.402.000	1.564.974.000
02	Quản lý dự án	46.635.000	45.787.000
03	Tư vấn	135.792.000	135.691.000
04	Chi phí khác	34.080.000	11.928.000
05	Dự phòng	90.245.000	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng số	1.895.154.000	1.758.380.000	999.951.000	758.429.000	-
1	Vốn đầu tư công	1.895.154.000	1.758.380.000	999.951.000	758.429.000	-
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	1.895.154.000	1.758.380.000	999.951.000	758.429.000	-
-	Vốn ngân sách trung ương					
-	Vốn ngân sách huyện	1.588.402.000	1.564.974.000	999.951.000	565.023.000	-
-	Vốn ngân sách thị trấn Tuy Phước	306.752.000	193.406.000		193.406.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					
2	Vốn khác	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi
Tổng số	1.758.380.000			
1. Tài sản dài hạn (TS cố định)	1.758.380.000			
2. Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	1.758.380.000	
1	Vốn đầu tư công	1.758.380.000	
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	1.758.380.000	
-	Vốn ngân sách trung ương		
-	Vốn ngân sách huyện	1.564.974.000	
-	Vốn ngân sách thị trấn	193.406.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		
2	Vốn khác		

- Tổng các khoản công nợ đến ngày **19/12/2022**, trong đó:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 758.429.000 đồng.

Trong đó:

- Công ty TNHH XD Huỳnh Gia (xây lắp): 565.023.000 đồng;

- Công ty TNHH XD Bửu Gia (TV giám sát): 50.876.000 đồng;

- Công ty TNHH TM và XD Hoàng Phúc (thảm định LCNT): 1.963.000 đồng;

- Công ty TNHH TVĐTXD Hoàng Anh (TV lập BCKTKT): 79.420.000 đồng;

- Công ty TNHH TVTK và XD Huy Hoàng (CP QLDA): 45.787.000 đồng;

- Công ty TNHH TVTK và XD Huy Hoàng (Lập HSMT): 5.395.000 đồng;

- Phòng Tài chính- KH huyện (thẩm tra QT): 9.965.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
1	2	3
UBND thị trấn Tuy Phước	1.758.380.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Căn cứ số liệu quyết toán được phê duyệt, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện các nghiệp vụ cấp phát, thanh toán, hạch toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND thị trấn Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 ;
- Lưu hồ sơ (3) ;
- Lưu : VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân